

**TÒA ÁN NHÂN D
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2020
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN VŨ THƯ', TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều
2. Ông Phạm Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020; Thông báo về việc tạm dừng mở phiên tòa sơ thẩm số: 305/TB-TA ngày 17/3/2020 và Thông báo về việc tiếp tục mở phiên tòa sơ thẩm số: 397/TB-TA ngày 17/4/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn D**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị T, anh D đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn D tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Song Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vào ngày 18/12/2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình anh D tại thôn Lại Xá, xã Minh Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2016 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D chơi bời, lơ đãng, cờ bạc và bị Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử về tội Đánh bạc. Chị và gia đình anh D đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh D không thay đổi. Năm 2016 anh D đã bỏ nhà đi từ đó đến nay không thấy trở về địa phương, cũng không có ai trong gia đình liên lạc được với anh D. Sau khi anh D bỏ nhà đi, chị đã đưa con về nhà bố mẹ để chị sống từ đó đến nay. Chị đã có nhiều biện pháp tìm kiếm anh D nhưng không có kết quả. Tháng 8/2019 Tòa án đã ra Quyết định tuyên bố anh D mất tích, từ đó đến nay anh D vẫn chưa trở về cũng không có tin tức gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có một con chung là Lê Gia H, sinh ngày 17/7/2015. Hiện nay, con H đang ở với chị. Ly hôn, nguyện vọng của chị muốn được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị có việc làm ổn định, thu nhập được 6.000.000 đồng/tháng, có bố mẹ để phụ giúp trong việc nuôi con nên chị đủ điều kiện nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh D không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Lê Văn D đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 02/2019/QĐST-DS ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử, Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng cho anh D nhưng anh D vẫn không trở về địa phương, không có tin tức gì.

*** Quá trình xác minh, đại diện Ủy ban nhân dân xã Minh Lãng và cơ sở thôn Lại Xá, xã Minh Lãng trình bày:** Về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đúng như chị T trình bày. Từ năm 2016 đến nay, anh D vẫn không trở về địa phương và không có tin tức gì. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh D, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh chị có một con chung, ly hôn đề nghị Tòa án giao con cho chị T nuôi dưỡng.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện

đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng D sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nH và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nH: Xử cho chị T được ly hôn anh D. Về quan hệ con chung: đề nghị Tòa án giao con H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu. Án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, xin nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh D có nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng D sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng D sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nH: Quan hệ hôn nH giữa chị T và anh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nH hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nH mâu thuẫn do anh D chơi bời, cờ bạc, nợ nần. Đến năm 2016, anh D đã bỏ đi khỏi địa phương, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Tháng 8/2019, Tòa án có quyết định tuyên bố anh D mất tích. Sau khi bị tuyên bố mất tích đến nay, anh D cũng chưa trở về địa phương và không có tin tức gì. Xét thấy hôn nH giữa chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nH không đạt được, anh D đã bị tuyên bố mất tích vì vậy cần căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nH và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh D.

[3.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh D có một con chung là Lê Gia H, sinh ngày 17/7/2015. Xét thấy anh D hiện nay đã bị tuyên bố mất tích, chị T có đủ điều kiện nuôi con nên giao con H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh D không có lời trình bày về vấn đề tài sản, vì vậy chưa đủ căn cứ để xác định tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của chị T và anh D. Do đó cần tách ra giải quyết bằng vụ án D sự khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng D sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nH và gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nH: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Lê Văn D.

[2]. Về quan hệ con chung: Giao con Lê Gia H, sinh ngày 17/7/2015 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T và anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

[4]. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí D sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003681 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án D sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 11/5/2020.

Anh Lê Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nH D xã Minh Lãng, huyện Vũ Thư,
tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số:
90/2012 quyền 01/2012 ngày 18/12/2012)
- Chi cục THADS huyện Vũ Thư;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương